

PHỤ LỤC 01

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

Dự án thành lập Khu tái định cư số 1: Bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thuộc Khu tái định cư số 1 phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên (nay là phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên - Đợt 32

(Kèm theo Quyết định số 22928 /QĐ-UBND ngày 09 / 10 /2026 của UBND phường Phan Đình Phùng)

ĐVT: Đồng

TT	Họ và tên người sử dụng đất	Vị trí thửa đất	Phương án bồi thường, hỗ trợ							
			Số tờ	Số tờ tham chiếu	Số thửa	Diện tích thu hồi (m2)	Loại đất	Bồi thường tài sản	Bồi thường thiệt hại cây trồng	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=9+10
1	Trần Thị Nhung	Tổ 20, phường Phan Đình Phùng	12	66	194	197,0	LUC	1.710.000		1.710.000
2	Phạm Văn Bình	Tổ 20, phường Phan Đình Phùng	12	66	105	333,1	LUC	30.448.518		30.448.518
3	Nguyễn Văn Hưng	Tổ 20, phường Phan Đình Phùng	12	66	304	378,3	LUC	8.827.928		8.827.928
4	Nguyễn Văn Đức	Tổ 20, phường Phan Đình Phùng	12	66	630	157,5	LUC	24.969.824		24.969.824
5	Đào Thị Nguyên	Tổ 20, phường Phan Đình Phùng	12	66	353	166,9	LUC	19.142.834		19.142.834
6	Vũ Thị Thủy	Tổ 20, phường Phan Đình Phùng	12	66	465	353,0	LUC	69.640.970	105.588.000	175.228.970
7	Nguyễn Văn Hiệu	Tổ 19, phường Phan Đình Phùng	12	66	242	75,9	LUC	2.124.934		2.124.934
8	Nguyễn Thị Vân	Tổ 19, phường Phan Đình Phùng	12	66	365	220,4	LUC	33.527.647		33.527.647
9	Nguyễn Ngọc Chuân	Tổ 20, phường Phan Đình Phùng	12	66	193	220,7	LUC	20.964.624		20.964.624
10	Vũ Thị Hợi	Tổ 19, phường Phan Đình Phùng	12	66	456	179,0	LUK	24.215.212		24.215.212
11	Nguyễn Thị Diệp	Tổ 19, phường Phan Đình Phùng	12	66	298	141,3	LUC	29.578.772		29.578.772
12	Nguyễn Thị Đào	Tổ 20, phường Phan Đình Phùng	12	66	138	332,2	LUC	22.221.152		22.221.152
13	Nguyễn Thị Như Bùi Thị Loan	Tổ 20, phường Phan Đình Phùng	12	66	189	619,5	LUC	25.725.317		25.725.317
14	Nguyễn Thị Huyền	Tổ 20, phường Phan Đình Phùng	12	66	104	377,9	LUC	3.909.187		3.909.187
		Tổ 20, phường Phan Đình Phùng	12	66	232	228,1	LUC	16.913.880		16.913.880
15	Nguyễn Ngọc Khanh	Tổ 20, phường Phan Đình Phùng	12	66	140	249,2	LUC	15.907.532		15.907.532
	Tổng cộng					4.230		349.828.331	105.588.000	455.416.331